

Số: /BC-BDT

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2023

Thực hiện Công văn số 1958/UBND-KSTT ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ; Ban Dân tộc báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý I và triển khai nhiệm vụ quý II năm 2023 với một số nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC

1. Về tình hình xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2023

- Căn cứ Kế hoạch CCHC tỉnh Khánh Hòa năm 2023, Ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 11/01/2023 về ban hành kế hoạch CCHC năm 2023 của Ban Dân tộc, trong đó xác định đầy đủ nhiệm vụ CCHC, phân công trách nhiệm, xác định kết quả và sản phẩm cụ thể đạt được.

- Ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch liên quan đến công tác CCHC gồm: Kế hoạch số 01/KH-BDT ngày 04/01/2023 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 thuộc lĩnh vực công tác dân tộc; Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 11/01/2023 về duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Quyết định số 06/QĐ-BDT ngày 31/01/2023 về ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 của Ban Dân tộc; Quyết định số 07/QĐ-BDT ngày 02/02/2023 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính;... Các kế hoạch đều xác định đầy đủ nhiệm vụ, phân công trách nhiệm và xác định kết quả, sản phẩm cụ thể đạt được.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Lãnh đạo cơ quan tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về CCHC; tình hình, kết quả nổi bật công tác cải cách hành chính của tỉnh và của cơ quan đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS & MN) trên địa bàn tỉnh: Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Quyết định số 4831/QĐ-UBND

ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2023.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt cải tiến lề lối làm việc; sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế nội bộ của cơ quan phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan và các quy định hiện hành.

- Quan tâm, tạo điều kiện, cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan công tác CCHC và ứng dụng công nghệ thông tin do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, công chức của Ban Dân tộc.

- Thường xuyên rà soát, kiện toàn Tổ CCHC; Ban Chỉ đạo ISO và cán bộ phụ trách công nghệ thông tin của cơ quan.

- Cập nhật đầy đủ các thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước đến cán bộ, công chức, người lao động và người dân.

- Kịp thời đề xuất khen thưởng đối với công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có thành tích về công tác cải cách hành chính.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Thực hiện Công văn số 290/UBND-KSTT ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo khắc phục hạn chế, thiếu sót, tồn tại, vi phạm được phát hiện qua kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh trong năm 2022; Báo cáo số 4116/BC-ĐKT ngày 30/12/2022 của Đoàn kiểm tra cải cách hành chính về kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2022 và Báo cáo của Sở Nội vụ về việc báo cáo chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-BDT ngày 13/01/2023 về việc khắc phục những tồn tại, hạn chế công tác cải cách hành chính năm 2022 của Ban Dân tộc, trong đó có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tập thể và thời gian hoàn thành.

4. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn cải cách hành chính

- Lãnh đạo Ban thường xuyên quan tâm, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nhiệm vụ CCHC; kết quả nổi bật về CCHC của tỉnh, của cơ quan thông qua các cuộc họp chi bộ, giao ban hàng tuần, hàng tháng, qua hệ thống E-office và đăng tải trên Trang thông tin điện tử cơ quan đảm bảo sự thông suốt trong chỉ đạo, điều hành.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 về ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2023 của Ban Dân tộc.

- Viết tin bài đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan và Trang CCHC của tỉnh theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020; Ban Dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Nghị quyết ban hành theo đúng trình tự, hồ sơ, quy trình trình văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn.

- Tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc năm 2023, cụ thể:

+ Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 về phê duyệt Danh mục Chuyên đề đặc thù đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho nhóm cộng đồng triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

+ Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023 tỉnh Khánh Hòa (đợt 1);

+ Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 về Kế hoạch thực hiện Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 10 về Triển khai công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

+ Kế hoạch số 1380/KH-UBND ngày 17/02/2023 về thực hiện Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 10 về triển khai công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa - năm 2023;

+ Kế hoạch số 1385/KH-UBND ngày 17/02/2023 về thực hiện Tiểu Dự án 2, Dự án 9 về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

+ Kế hoạch số 1872/KH-UBND ngày 02/3/2023 về triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- Phối hợp xây dựng các dự án, đề án của các sở, ngành liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính của cơ quan

- Thực hiện Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023, Ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-BDT ngày 02/02/2023 về Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023. Nội dung Kế hoạch đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định, có sự phân công, phối hợp nhiệm vụ rõ ràng, hợp lý; có xác định thời hạn thực hiện và dự kiến sản phẩm cụ thể.

- Trong Quý I/2023, Ban đã phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND thành phố Cam Ranh tiếp nhận, xử lý đúng hạn 03 hồ sơ trực tuyến cấp độ 3 trên dịch vụ hành chính công trực tuyến đối với 02 thủ tục hành chính: Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ban đã thực hiện niêm yết thông tin tiếp nhận phản ánh kiến nghị (cơ quan tiếp nhận, địa chỉ, số điện thoại, hộp thư điện tử...) tại cơ quan và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. Tham gia ý kiến đối với quy định, quy trình nội bộ về TTHC của các sở, ban, ngành khi có yêu cầu. Quý I/2023, Ban Dân tộc không có các kiến nghị, phản ánh liên quan đến thủ tục hành chính.

b) Kết quả thực hiện Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh

Căn cứ Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; Công văn số 1039/VPUBND-KSTT ngày 16/11/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc hướng dẫn rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống HCNN giai đoạn 2022 - 2025, Ban Dân tộc đã tổ chức tổ chức phổ biến, tuyên truyền, quán triệt nội dung của Quyết định 1085/QĐ-TTg và Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ công chức thuộc Ban theo hình thức thông qua các cuộc họp giao ban, trên cổng thông tin điện tử và trên Hệ thống tác nghiệp điện tử E-Office của Ban.

Báo cáo kết quả thống kê, rà soát thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định (Công văn số 46/BDT-VP ngày 13/01/2023 của Ban Dân tộc).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định trong hoạt động của cơ quan: Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ; rà soát, đưa ra và bổ sung quy hoạch chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031.

4. Cải cách chế độ công vụ

- 100% cán bộ, công chức và người lao động chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; không có trường hợp cán bộ, công chức nào bị xử lý kỷ luật hoặc có khiếu nại, tố cáo, phản ánh của người dân, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến cán bộ, công chức được thẩm tra, xác minh là có cơ sở.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 02/KH-BDT ngày 06/01/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Ban Dân tộc năm 2023.

5. Cải cách tài chính công

Căn cứ Luật ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, Ban đã nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách hàng năm, thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng nội dung và định mức được chi; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai ngân sách theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống mạng LAN hiện có, kết nối Internet qua đường truyền số liệu của UBND tỉnh; thực hiện gửi nhận văn bản dưới dạng điện tử qua hệ thống E-office. 100% cán bộ, công chức của Ban đã thực hiện gửi, nhận văn bản dưới dạng điện tử qua hệ thống E-office và thư điện tử công vụ. Cơ quan đã trang bị thêm máy tính và phần mềm diệt virus nhằm tăng hiệu quả sử dụng và an toàn thông tin mạng. Thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của cơ quan và phần mềm quản lý cán bộ, công chức.

- Chế độ báo cáo định kỳ trên hệ thống báo cáo của tỉnh và các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trên phần mềm nhắc việc được thực hiện đầy đủ, đúng thời gian quy định và không có nhiệm vụ bị trễ hạn hoặc gia hạn.

- Tiếp tục duy trì, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Các phòng bám sát và thực hiện đúng các quy trình nội bộ đã được ban hành tại HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 11/01/2023 về duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của Ban Dân tộc năm 2023).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Lãnh đạo cơ quan luôn xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm gắn liền với nhiệm vụ chính trị của cơ quan; thường xuyên tuyên truyền, quán triệt đầy đủ, kịp thời mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch CCHC năm 2023; tình hình và kết quả CCHC của tỉnh và của cơ quan đến toàn thể cán bộ, công tác CCHC của cơ quan ngày càng đi vào nề nếp và chất lượng tốt hơn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC QUÝ II NĂM 2023

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác CCHC.

2. Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

3. Tiếp tục tạo điều kiện và cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng liên quan công tác CCHC của cơ quan.

4. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm EOffice trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc.

5. Tiếp tục duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào các hoạt động của cơ quan.

6. Tiếp tục cập nhật thông tin cán bộ, công chức, lao động trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, lao động và Trang thông tin điện tử cơ quan theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường trách nhiệm, tính chủ động trong tác quản lý; Ban Dân tộc kính đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, theo hướng phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ UBND tỉnh về UBND cấp huyện đối với 02 thủ tục: Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ).

Trên đây là kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2023, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (VBĐT);
- Sở Nội vụ (VBĐT);
- Sở TTTT (VBĐT);
- Sở Tư pháp (VBĐT);
- Sở KHCN (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Sở KHĐT (VBĐT);
- Lãnh đạo Ban (VBĐT);
- Phụ trách CNTT (đăng Website);
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG BAN

Võ Nam Thắng

Phụ lục 2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI BAN DÂN TỘC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày /3/2023 của Ban Dân tộc tỉnh)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 11/01/2023 về Kế hoạch CCHC năm 2023 của Ban Dân tộc	Quyết định	1	- Ban Dân tộc
	- Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	- Ban Dân tộc
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	19	- Ban Dân tộc
1.2.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành:	Văn bản	10	- Ban Dân tộc
1.3.	Kiểm tra CCHC - Dự kiến thời gian: Quý III-IV/2023 - Số lượng: Kiểm tra 3/3 phòng thuộc Ban	Kế hoạch	1	- Ban Dân tộc
1.3.1.	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra		0	
	- Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	- Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2.	Xử lý sau kiểm tra		0	
	- Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	- Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.4.	Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, người đứng đầu tham gia giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 <i>(Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông, việc đánh giá các tiêu chí đối với cán bộ, công chức theo Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh được lồng ghép trong quy chế đánh giá cán bộ, công chức)</i>	Tháng		- Ban Dân tộc
1.5.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			- Ban Dân tộc
	- Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	74	
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	52	
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của đơn vị mình			- Ban Dân tộc

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Dự kiến thực hiện vào Quý IV			
	- Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
	- Hình thức khảo sát	1		
1.7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	0	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành - Trong quý I, Ban Dân tộc không có tham mưu ban hành văn bản QPPL	Văn bản	0	- Ban Dân tộc
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
	- Số TTHC tham mưu công bố mới	Thủ tục	0	
	- Số TTHC tham mưu bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.2.	Tổng số TTHC ngành/lĩnh vực đang có hiệu lực. Trong đó:	Thủ tục	2	- Ban Dân tộc
	- Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	2	
	- Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	0	
	- Số TTHC cấp xã	Thủ tục	0	
3.3.	Công khai TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia			- Ban Dân tộc
	- Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	2	
	- Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	0	
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông)	Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông		
3.4.1	Thống kê quy trình nội bộ giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh			
3.4.1.1.	Số quyết định phê duyệt quy trình nội bộ	Quyết định		
	- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định		
	- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên	Quyết định		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>môn cấp tỉnh</i>			
3.4.1.2.	Số lượng quy trình nội bộ được phê duyệt	Quy trình		
	- Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh	Quy trình		
	- Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Quy trình		
3.4.1.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.4.1.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.2.	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
	- Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.4.3.	Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
3.4.4.	Số TTHC cho phép thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh. Trong đó:	Thủ tục		-
	- Số TTHC cho phép tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép tiếp nhận và trả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
3.4.5.	Thống kê TTHC cho phép thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.4.6.	Kết quả giải quyết TTHC	Hồ sơ		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đầu tư được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực lao động, thương	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>binh và xã hội được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp)</i>			
3.4.7.	<i>Kết quả cung cấp dịch vụ công</i>			
3.4.7.1.	Hồ sơ trực tuyến			
	- Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 3	Hồ sơ	02	Ban Dân tộc phối hợp thực hiện
	- Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 4	Hồ sơ		
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3	%	100	
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 4	%		
3.4.7.2.	Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ BCCI			
	- Hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
3.4.7.3.	Hồ sơ thanh toán trực tuyến			
	- Số lượng hồ sơ được thanh toán trực tuyến	Hồ sơ		
	- Số tiền được thanh toán trực tuyến	Đồng		
3.4.7.4	Tin nhắn tự động thông báo tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	Tin nhắn		
4.	<i>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</i>			
4.1.	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>			- Ban Dân tộc
4.1.1.	Số phòng thuộc Ban	phòng	3	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Trong đó:	Cơ quan, đơn vị	0	
	- Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	
	- Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	0	
	- Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	0	
	- Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0	
4.2.	<i>Số liệu về biên chế công chức</i>			- Ban Dân tộc
	- Tổng số biên chế được giao trong năm 2022	Người	16	
	- Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	15	
	- Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	02	
	- Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
	- Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	5,88	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Ban Dân tộc không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc)		0	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			Ban Dân tộc
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			Ban Dân tộc
5.2.1.	Tuyển dụng công chức		0	
	- Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	- Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
	- Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
5.2.2.	Tuyển dụng viên chức		0	
	- Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	- Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			Ban Dân tộc
	- Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)		0	
	- Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			Ban Dân tộc không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.5.	Cổng/trang thông tin điện tử	Cổng/trang		
	- Cấp tỉnh	Chưa = 0 Có = 1	1	
	- Cấp huyện	Chưa = 0 Có = 1		
	- Cấp xã	Cổng/trang		
7.6.	Hệ thống Quản lý và điều hành văn bản (E-Office)			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó:			
	- Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	- Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	- Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%		
7.6.2.	Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp. Trong đó:	Chứng thư số, chữ ký số		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Cấp tỉnh	Chưa = 0 Có = 1	1	
	- Cấp huyện	Chưa = 0 Có = 1		
	- Cấp xã	Chứng thư số, chữ ký số		
7.6.3.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó:	Văn bản	264	- Ban Dân tộc
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	97,6%	263/264 đạt tỷ lệ 99,6%	
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	2,4%	1/264 đạt tỷ lệ 0,4%	
7.6.4.	Thư điện tử công vụ đang sử dụng. Trong đó:			
	- Cấp tỉnh	Email	7	Ban Dân tộc
	- Cấp huyện	Email		
	- Cấp xã	Email		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh			
	- Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	- Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	- Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		